BIWASE

CÔNG TY CP -TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtbd@gmail.com

ilac-MRA

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 07/01.04.2026**

Ngày phát hành kết quả: 06/04/2026

- Tên khách hàng: **Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Đường số 8, khu Công nghiệp Chơn Thành 1 và 2, phường Chơn Thành, T. Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 01/04/2026 Ngày phân tích: 01/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	*Coliform tổng số**	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	*E. coli**	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	≤ 0,01	KPH (LOD: 0,0002 mg/L)
4	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,3
5	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,24
6	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
7	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,28
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,04
10	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,26
11	Clorua (Chloride) (Cl^-)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	9
12	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	mg/L	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	20
13	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
14	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,1
15	Nitrate (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 11	0,23
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178:1996	≤ 0,9	KPH (LOD: 0,01 mg/L)

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
18	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	3,28
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	53

*** Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
+ Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
+ (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng

Trần Thanh Trúc

Giám Đốc

M.S.D.K.D: 0000 C.T.C.P
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
P. THỦ DẦU MỘT - TP. HỒ CHÍ MINH

Mai Thị Đẹp